

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ hồ sơ của sinh viên, đề nghị của các khoa đào tạo về việc xét cấp trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2022-2023 đối với SV và Biên bản của Hội đồng xét chế độ chính sách đối với sinh viên họp ngày 19/4/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Chính trị và Công tác HSSV; Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2022-2023 đối với 409 sinh viên (Có danh sách kèm theo).

Trong đó:

- Tốt nghiệp năm 2023 là 48 sinh viên
- Các khóa còn lại là 361 sinh viên

Điều 2. Trợ cấp xã hội được cấp từ tháng 01/2023 đến hết tháng 6/2023 (06 tháng) đối với 48 sinh viên tốt nghiệp 2023 và từ tháng 01/2023 đến hết tháng 8/2023 (08 tháng) đối với 361 sinh viên các khóa còn lại.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.GDCT&CTHSSV, P.KHTC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Đậu Bá Thìn

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023**

(Ban hành kèm theo QĐ số: 943 /QĐ-ĐHĐ, ngày 25 / 4 / 2023 của Hiệu trưởng)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
1	1961010011	Lê Thị Anh Thùy	K22 ĐHSP Toán học	KHTN	Hộ nghèo	100,000
2	1961010014	Lê Thị Hải Vân	K22 ĐHSP Toán học	KHTN	Hộ nghèo	100,000
3	206101CLC12	Thiều Thị Thảo	K23 ĐHSP Toán CLC	KHTN	Hộ nghèo	100,000
4	2062010007	Nguyễn Thị Phúc	K23 ĐHSP Hóa học	KHTN	Hộ nghèo	100,000
5	216101CLC06	Hà Thị Thu Huệ	K24 ĐHSP Toán CLC	KHTN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
6	2262010004	Vũ Hoàng Long	K25 ĐHSP Hóa	KHTN	Hộ nghèo	100,000
7	226101CLC05	Hoàng Thị Ngọc Ánh	K25 ĐHSP Toán CLC	KHTN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
8	2261010045	Nguyễn Thị Sáu	K25 ĐHSP Toán	KHTN	Hộ nghèo	100,000
9	2161010047	Nguyễn Thị Trang	K24 ĐHSP Toán	KHTN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
10	216101CLC13	Lê Thúy Thanh	K24 ĐHSP Toán CLC	KHTN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
11	196601CLC05	Tô Thị Duyên	K22 ĐHSP Ngữ văn (CLC)	KHXXH	Hộ nghèo	100,000
12	196602CLC03	Mai Ngọc Dịu	K22 ĐHSP Lịch sử (CLC)	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
13	196602CLC12	Hà Thị Nhung	K22 ĐHSP Lịch sử (CLC)	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
14	196602CLC13	Lê Thị Nhung	K22 ĐHSP Lịch sử (CLC)	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
15	196602CLC14	Lê Hoài Phương	K22 ĐHSP Lịch sử (CLC)	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
16	1966010005	Hà Thị Diệu Huyền	K22 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
17	1966030004	Vũ Ngọc Vĩnh Hưng	K22 ĐHSP Địa lí	KHXXH	Hộ nghèo	100,000
18	206601CLC03	Ngân Thị Huệ	K23 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
19	206601CLC12	Nguyễn Thị Thu	K23 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
20	206601CLC14	Hà Thị Trang	K23 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
21	2066010017	Lê Thị Hồng	K23 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
22	2066010033	Hà Thị Ánh Nguyệt	K23 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
23	2066010035	Lang Thị Như	K23 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
24	2066010052	Vi Thị Hà Vân	K23 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
25	2066030004	Lang Thị Hồng	K23 ĐHSP Địa lý	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
26	2066030007	Hà Xuân Mưu	K23 ĐHSP Địa lý	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
27	2066030010	Tào Đỗ Phương Nhâm	K23 ĐHSP Địa lý	KHXXH	Hộ nghèo	100,000
28	2066030011	Hà Vinh Quang	K23 ĐHSP Địa lý	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
29	2069080011	Phạm Thị Ngọc Ánh	K23 ĐH Du lịch	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
30	216601CLC04	Lô Thị Hiền	K24ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
31	216601CLC08	Lê Thùy Linh	K24ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
32	216601CLC10	Phạm Thị Thanh Nhân	K24ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
33	216602CLC01	Hà Văn Cường	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
34	216602CLC02	Hà Minh Đạt	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
35	2166010011	Lương Thị Diệu Linh	K24 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
36	2166010023	Hà Linh Nhi	K24 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
37	2166030012	Lộc Minh Khoa	K24 ĐHSP Địa lý	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

SAN NHÁ

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
38	2266010004	Lâm Thị Ngọc Anh	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Hộ nghèo	100,000
39	2266010027	Hà Thị Phương Linh	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
40	2266010045	Nguyễn Thị Thương	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXXH	Hộ nghèo	100,000
41	226601CLC03	Quách Thị Mai Chi	K25 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
42	226602CLC07	Hà Thị Hồng	K25 ĐHSP Lịch sử CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
43	226601CLC16	Vi Thị Thảo	K25 ĐHSP Ngữ văn CLC	KHXXH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
44	2067010010	Lê Thị Dung	K23A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
45	2067010037	Lê Thị Phương Thảo	K23A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
46	2067010174	Lò Thị Hồng May	K23D ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
47	2067020044	Hà Thanh Hiền	K23B ĐH Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
48	2167010023	Phạm Thị Thu Hiền	K24A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
49	2167010028	Đinh Thị Hà Linh	K24A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
50	2167010035	Phạm Hà Huyền My	K24A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
51	2167010171	Hà Thị Kim Anh	K24A ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
52	2167010085	Bùi Mai Linh	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
53	2167010074	Hoàng Thị Hằng	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Con mồ côi	100,000
54	2167010088	Nguyễn Thị Mai	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
55	2167010089	Lò Văn Minh	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
56	2167010101	Đinh Văn Tám	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
57	2167010104	Phạm Đức Thành	K24B ĐHSP Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
58	2167010009	Cao Thị Kim Chi	K24C ĐHPS Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
59	2167010156	Trương Thị Quỳnh	K24C ĐHPS Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
60	2167010173	Bùi Hà Anh	K24C ĐHPS Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dân tộc, Vùng cao	140,000
61	2167020050	Trần Ngọc Yến	K24 ĐH Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con mồ côi	100,000
62	2267010054	Đặng Thị Ngọc Huyền	K25B ĐHSP Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	100,000
63	1969000006	Phạm Thị Linh Chi	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
64	1969000010	Hà Thị Thu Hà	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
65	1969000013	Lương Thu Hồng	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
66	1969000016	Hà Thị Mai Huyền	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
67	1969000019	Bùi Ngọc Lan	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
68	1969000022	Ngân Khánh Linh	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
69	1969000026	Vi Thị Nga	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
70	1969000028	Bùi Thu Ngân	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
71	1969000031	Phạm Mai Phương	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
72	1969000037	Lương Xuân Thành	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
73	1969000045	Hà Thị Trang	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
74	1969000046	Bùi Thị Kiều Trinh	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
75	1969000051	Hà Hải Yến	K22A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
76	1969000057	Hà Duy Đạt	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
77	1969000059	Phạm Thị Duyên	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
78	1969000076	Bùi Thị Cẩm Linh	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
79	1969000082	Lê Thị Thu Nga	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
80	1969000088	Hà Thu Phương	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
81	1969000089	Phạm Thị Phương	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

ĐẠI
TRU
ĐẠI
IỂN

(Handwritten signatures)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
82	1969000103	Hà Thị Kiều Trinh	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
83	1969000111	Vì Thị Ngọc Ánh	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
84	1969000114	Lê Thị Dung	K22B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
85	2069000003	Đinh Thị Bé	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
86	2069000004	Thao Văn Cảnh	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
87	2069000014	Bùi Thị Hồng	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
88	2069000021	Hà Thảo Lê	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
89	2069000023	Đỗ Thị Khánh Linh	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
90	2069000035	Cao Thị Nhung	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
91	2069000039	Nguyễn Như Quỳnh	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
92	2069000049	Hà Lê Kiều Trang	K23A ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
93	1869000011	Bùi Thị Hiền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
94	2069000059	Lữ Thị Ngọc Ánh	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
95	2069000060	Nguyễn Thị Thanh Bình	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
96	2069000071	Hà Thị Mai Hương	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
97	2069000072	Bùi Thị Khánh Huyền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
98	2069000075	Phạm Thị Ngọc Huyền	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
99	2069000084	Lương Thị Ngọc Mai	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
100	2069000089	Cao Thị Quỳnh Như	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
101	2069000091	Vì Thị Quỳnh Phương	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
102	2069000097	Trương Thị Thu	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
103	2069000104	Cao Thị Thủy Tuyên	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
104	2069000105	Quách Thu Uyên	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
105	2069000127	Hà Thanh Huyền	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
106	2069000128	Nguyễn Khánh Huyền	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
107	2069000155	Hà Hương Thủy	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
108	2069000156	Hà Thị Trâm	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
109	2069000157	Hoàng Huyền Trang	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
110	2069000160	Bùi Thanh Tuấn	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
111	2069000279	Hà Mỹ Duyên	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
112	2069000165	Lò Phương Anh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
113	2069000175	Hà Thị Nguyệt Hằng	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
114	2069000183	Trương Thị Khánh Huyền	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
115	2069000188	Hà Thị Thu Linh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
116	2069000192	Ngân Thị Khánh Ly	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
117	2069000193	Đinh Thiên Minh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
118	2069000197	Lê Bá Long Nhật	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
119	2069000202	Lê Thị Như Quỳnh	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
120	2069000203	Trương Thị Tâm	K23D ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
121	2069000224	Cao Mạnh Cường	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
122	2069000225	Trịnh Tiến Đình	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
123	2069000232	Hà Tống Nhật Hoa	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
124	2069000235	Lê Thị Huyền	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
125	2069000240	Cao Tuấn Kiệt	K23E ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
126	2069000241	Vi Thị Liên	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
127	2069000244	Phạm Hải Linh	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
128	2069000250	Vi Phương Nga	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
129	2069000255	Lâu Tho Pó	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
130	2069000258	Phạm Bá Thành	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
131	2069000263	Lò Thị Thủy	K23E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
132	2069000284	Phan Mai Hoa	K23F ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
133	2069000291	Hà Thị Liên	K23F ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
134	2069000298	Hà Thị Mai	K23F ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
135	2069000299	Phạm Trà My	K23F ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
136	2069000323	Hà Phương Uyên	K23F ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
137	2169000008	Vi Văn Đạt	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
138	2169000015	Hà Thị Hằng	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
139	2169000017	Lê Thị Hiền	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
140	2169000029	Nguyễn Hà Ly	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Con mồ côi	100,000
141	2169000039	Phạm Nam Phong	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
142	2169000042	Phạm Đỗ Quyên	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
143	2169000044	Lộc Văn Tám	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
144	2169000051	Lữ Văn Tình	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
145	2169000056	Lê Thị Vân	K24A ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
146	2169000083	Phạm Thị Khánh Huyền	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
147	2169000100	Hà Trọng Phúc	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
148	2169000101	Thao Văn Quân	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
149	2169000102	Nguyễn Thị Sen	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
150	2169000104	Lương Xuân Thắng	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
151	2169000107	Lê Huyền Thương	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
152	2169000108	Hà Thị Thu Thủy	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
153	2169000113	Vi Đức Trung	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
154	2169000115	Vi Thị Hương Việt	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
155	2169000114	Phạm Thị Kim Tuyến	K24B ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
156	2169000120	Lưu Đình Anh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
157	2169000129	Quách Thị Thu Hà	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
158	2169000131	Lương Thị Hạnh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
159	2169000144	Cao Thế Lợi	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
160	2169000147	Trương Công Nam	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
161	2169000153	Trương Hồng Nhung	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
162	2169000169	Bùi Thanh Trúc	K24C ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
163	2169000177	Trịnh Quỳnh Anh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
164	2169000178	Phạm Thị Anh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
165	2169000180	Lương Kim Chi	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
166	2169000181	Tặng Thị Cói	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
167	2169000183	Nguyễn Thị Phương Dung	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
168	2169000184	Phạm Thị Dung	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
169	2169000187	Hà Thị Hương Giang	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
170	2169000191	Trương Thị Hạnh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
171	2169000196	Vi Ngọc Hoàng	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
172	2169000201	Phạm Thị Lê	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
173	2169000204	Hà Đình Long	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
174	2169000209	Phạm Công Nguyên	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
175	2169000211	Phạm Yến Nhi	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
176	2169000213	Vi Thị Oanh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
177	2169000216	Ngô Lò Xuân Quý	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
178	2169000217	Nguyễn Như Quỳnh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
179	2169000218	Đinh Thị Hồng Sinh	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
180	2169000229	Trần Thanh Tùng	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
181	2169000231	Hà Minh Vượng	K24D ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
182	2169000236	Tạ Kim Chi	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
183	2169000239	Lang Văn Duẩn	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
184	2169000248	Nguyễn Thị Mỹ Hào	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
185	2169000249	Hà Thu Hiền	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
186	2169000250	Bùi Thị Hoa	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
187	2169000253	Hà Thị Hương	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
188	2169000255	Bùi Thanh Huyền	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
189	2169000256	Hà Tùng Lâm	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
190	2169000257	Trương Thị Quỳnh Lê	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
191	2169000262	Hà Văn Lý	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
192	2169000263	Lương Thị Mai	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
193	2169000267	Bùi Ánh Nguyệt	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
194	2169000269	Đỗ Yến Nhi	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
195	2169000276	Đinh Minh Quý	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
196	2169000278	Bùi Thị Linh Tâm	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
197	2169000283	Hơ Văn Tông	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
198	2169000287	Lò Thị Trúc	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
199	2169000288	Hà Thị Tuấn	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
200	2169000291	Bùi Như Quỳnh	K24E ĐHGĐ Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
201	2269000017	Hà Thị Hoài	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
202	2269000019	Ngân Thị Thu Huệ	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
203	2269000022	Lang Xuân Khiêm	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
204	2269000026	Vi Thị Mai Linh	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
205	2269000031	Hà Đức Mạnh	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
206	2269000035	Hà Tự Nhiên	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
207	2269000036	Cao Hồng Nhung	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
208	2269000043	Vi Thị Thu	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
209	2269000071	Lương Đình Khánh	K25B ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
210	2269000084	Đinh Thị Nụ	K25B ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
211	2269000125	Hà Thị Loan	K25C ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
212	2269000134	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K25C ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
213	2269000157	Lục Thị Thùy Dung	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
214	2269000171	Phạm Thị Kiều	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
215	2269000177	Hà Ngọc Linh	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
216	2269000184	Trương Thị Phụng	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
217	2269000185	Lô Thị Quyên	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
218	2269000186	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
219	2269000188	Nguyễn Thị Thắm	K25D ĐH GDTH	GDTH	Hộ nghèo	100,000
220	2269000243	Phạm Công Tuyền	K25E ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
221	1969010018	Trương Thị Hòa	K22 ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
222	1969010049	Hà Thị Thanh	K22 ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
223	1969010064	Lò Tổ Uyên	K22 ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
224	1569010156	Ly Thị Chia	K22 ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
225	2069010016	Hà Thị Diệp	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
226	2069010022	Nguyễn Thị Thuý Dương	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Hộ nghèo	100,000
227	2069010030	Vi Thị Hà	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Hộ nghèo	100,000
228	2069010040	Nguyễn Thu Hoài	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
229	2069010044	Phạm Thị Hồng	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
230	2069010174	Phạm Thị Vân	K23A ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
231	2069010053	Cao Thị Hương	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
232	2069010060	Lò Thương Huyền	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
233	2069010063	Phạm Thị Huyền	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
234	2069010065	Trương Thúy Huyền	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
235	2069010071	Bùi Thùy Linh	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
236	2069010072	Hà Thảo Linh	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
237	2069010088	Trương Thị Ngọc Ly	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
238	2069010093	Thao Thị Mo	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
239	2069010100	Lộc Thị Ngân	K23B ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
240	2069010110	Hà Quỳnh Như	K23C ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
241	2069010117	Bùi Thị Nhung	K23C ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
242	2069010140	Vi Thị Phương Thảo	K23C ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
243	2069010143	Lương Thị Tin	K23C ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
244	2069010176	Đoàn Thị Kim Xuyên	K23C ĐHGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
245	206C680003	Vi Thị Diệp	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
246	206C680005	Ngân Thị Giang	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
247	206C680008	Lò Thị Hiền	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
248	206C680023	Lương Thị Mơ	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
249	206C680010	Hà Thị Hôn	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
250	206C680027	Phạm Thị Hoài Phương	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
251	206C680029	Hà Thanh Tâm	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
252	206C680032	Hà Thị Thúy	K42 CĐGD Mầm non	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
253	2169010002	Đoàn Thị Vân Anh	K24A ĐHGD MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
254	2169010009	Lương Huyền Diệu	K24A ĐHGD MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
255	2169010019	Phan Thị Hoa	K24A ĐHGD MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
256	2169010023	Hà Khánh Huyền	K24A ĐHGD MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
257	2169010026	Sùng Thị La	K24A ĐHGD MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
258	2169010034	Ngân Thị Hương Mơ	K24A ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
259	2169010041	Vũ Thị Nhung	K24A ĐHGĐ MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
260	2169010050	Phạm Hoài Thu	K24A ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
261	2169010051	Bùi Thị Thư	K24A ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
262	2169010061	Lò Thị Vững	K24A ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
263	2169010073	Phạm Thị Duyên	K24 B ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
264	2169010088	Hà Thị Lan	K24 B ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
265	2169010095	Lò Thị Mai	K24 B ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc 135	140,000
266	2169010098	Lê Thị Nga	K24 B ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
267	2169010099	Hà Kim Ngân	K24 B ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
268	2169010131	Lương Thị Kim Ánh	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
269	2169010134	Vi Thị Điềm	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
270	2169010142	Nguyễn Thị Hạnh	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
271	2169010155	Hoàng Khánh Linh	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
272	2169010163	Hà Thị Ngân	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
273	2169010173	Hoàng Như Quỳnh	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
274	2169010178	Lộc Thị Anh Thư	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
275	2169010186	Vi Thị Hồng Uyên	K24 C ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
276	2169010123	Phạm Thị Tươi	K24D ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
277	2169010210	Bùi Khánh Huyền	K24 D ĐHGĐ MN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
278	2169010212	Phạm Thị Thu Huyền	K24 D ĐHGĐ MN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
279	216C680014	Lò Thị Lâm	K43 CĐ GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
280	2269010002	Lương Thị Lan Anh	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
281	2269010010	Vi Thị Hạnh	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
282	2269010012	Lê Thị Thu Hoa	K25A ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
283	2269010015	Lương Thị Huệ	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
284	2269010025	Trương Phạm Thảo My	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
285	2269010027	Trương Thị Thủy Ngân	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
286	2269010032	Phạm Thị Nhung	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
287	2269010033	Cao Thị Hoài Phương	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
288	2269010038	Hà Thị Thơm	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
289	2269010047	Trương Thị Ngọc Trinh	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
290	2269010194	Hà Thị Thanh Vui	K25A ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
291	2269010069	Lò Thảo My	K25B ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
292	2269010179	Hà Phương Thảo	K25B ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
293	2269010083	Lê Thị Thơm	K25B ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
294	2269010084	Lâu Thị Thu	K25B ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
295	2269010087	Phạm Thị Thùy	K25B ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
296	2269010088	Triệu Thu Thủy	K25B ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
297	2269010026	Bùi Thị Hà Ngân	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
298	2269010099	Phạm Thị Dung	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
299	2269010103	Phạm Thị Hằng	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
300	2269010105	Hà Thị Hoài	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
301	2269010137	Phan Thị Thúy	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
302	2269010142	Lê Thị Ánh Tuyết	K25C ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
303	2269010155	Lâu Thị Hạnh	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
304	2269010163	Lương Bảo Linh	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
305	2269010164	Nguyễn Thị Khánh Linh	K25D ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
306	2269010165	Trịnh Gia Linh	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
307	2269010166	Phạm Thị Trà My	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
308	2269010187	Vi Thu Thủy	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
309	2269010189	Nguyễn Thị Huyền Trang	K25D ĐH GDMN	GDMN	Hộ nghèo	100,000
310	2269010206	Vi Huyền Thương	K25D ĐH GDMN	GDMN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
311	1969020001	Nguyễn Thị Hoà	K22 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
312	2069020014	Lò Trung Huân	K23 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
313	2069020022	Thao Văn Sính	K23 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
314	2069020026	Hà Văn Thái	K23 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
315	2169020017	Lô Khắc Huỳnh	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
316	2169020025	Hà Công Nam	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
317	2169020015	Lê Hữu Hoàng	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
318	2169020030	Nguyễn Viết Sơn	K24 ĐH GDTC	GDTC	Con mồ côi	100,000
319	2169020037	Phạm Quốc Toàn	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
320	2169020020	Đặng Thị Kiều	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
321	2169020032	Trương Công Thành	K24 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
322	2269020035	Phạm Chí Thanh	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
323	2269020024	Phạm Thị Yến Nhi	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
324	2269020013	Lê Việt Hùng	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
325	2269020023	Hà Văn Nhật	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
326	2269020056	Lương Văn Minh	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
327	2269020038	Vi Văn Tư	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
328	2269020040	Lương Nguyên Vũ	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
329	2269020055	Phạm Anh Tú	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
330	2269020032	Trương Công Thái	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
331	2269020036	Vi Văn Thuận	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
332	2269020058	Lương Thị Phúc	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
333	2263100002	Lò Văn Bun	K25 ĐH KHCT	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
334	2263100009	Hơ Văn Trẻ	K25 ĐH KHCT	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
335	2263110018	Hà Thế Vinh	K25 ĐH CNTY	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
336	1961030031	Nguyễn Thành Lâm	K22B ĐH CNTT	CNTT&TT	Dân tộc, Vùng cao	140,000
337	1961030032	Phạm Văn Linh	K22B ĐH CNTT	CNTT&TT	Dân tộc, Vùng cao	140,000
338	2061030001	Nguyễn Thị Việt Anh	K23A ĐH CNTT	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
339	2061030042	Dương Đình Việt Anh	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
340	2161030042	Lê Nhật Phi	K24A ĐH CNTT	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
341	2161030050	Bùi Minh Sơn	K24A ĐH CNTT	CNTT&TT	Dân tộc, Vùng cao	140,000
342	2261030023	Ngân Nhật Linh	K25A ĐHCNTT	CNTT&TT	Dân tộc, Vùng cao	140,000
343	2261030065	Lê Quang Minh	K25B ĐHCNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
344	2261030070	Lê Huy Quý	K25B ĐHCNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
345	2261030079	Phú Văn Tuấn	K25B ĐHCNTT	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
346	2261030017	Nguyễn Thị Huệ	K25A ĐHCNTT	CNTT&TT	Hộ nghèo	100,000
347	2261030088	Vi Anh Đức	K25A ĐHCNTT	CNTT&TT	Dân tộc, Vùng cao	140,000
348	2062030006	Nguyễn Trọng Phương Nam	K23 ĐH KTĐĐT	KTCN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
349	1963020002	Trần Duy Bảo	K22 ĐH CNTY	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
350	2063020010	Hà Quốc Đạt	K23 ĐH CNTY	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
351	2063020033	Phạm Văn Thành	K23 ĐH CNTY	NLNN	Con mồ côi	100,000
352	2163050006	Hà Văn Quảng	K24 ĐH Nông học	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
353	2163050011	Nguyễn Thế Vinh	K24 ĐH Nông học	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
354	2163020009	Vi Văn Kiệt	K24 ĐH CNTY	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
355	2163020015	Bùi Văn Tư	K24 ĐH CNTY	NLNN	Dân tộc, Vùng cao	140,000
356	2264010049	Trần Quỳnh Anh	K25A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
357	2264010049	Lò Xuân Thanh	K25A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
358	2264010052	Nguyễn Thị Lệ Thương	K25A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
359	2264010123	Vũ Minh Châu	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Khuyết tật	100,000
360	2264010159	Lương Hoài Phương	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
361	2264010189	Nguyễn Thị Thu Hà	K25D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
362	2264010224	Văn Thị Phương	K25D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
363	2264020030	Nguyễn Duy Nam	K25A ĐH QTKD	KT-QTKD	Khuyết tật	100,000
364	2264020113	Lương Trọng An	K25A ĐH QTKD	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
365	2064010042	Nguyễn Thị Huyền Trang	K23A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
366	20664010093	Lê Thị Tình	K23B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
367	2064010182	Dương Thị Phương	K23D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
368	2064020112	Lê Hoàng Nam	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
369	2064030009	Nguyễn Quốc Mạnh	K23 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
370	2164010016	Nguyễn Thị Hồng	K24A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
371	2164010067	Phạm Thùy Dương	K24A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
372	2164010053	Dương Thị Mai Trinh	K24A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
373	2164010081	Nguyễn Thị Thanh Huyền	K24B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
374	2164010087	Mai Thị Thủy Linh	K24B ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
375	2164010163	Đoàn Thu Phương	K24C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000
376	2164020077	Nguyễn Văn Lâm	K24B ĐH QTKD	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
377	2164030015	Nguyễn Quốc Dũng	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
378	2164030047	Lương Xuân Thành	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
379	2164030062	Thao Thị Xai	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
380	2164030072	Bùi Thị Mai Thi	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
381	2164030070	Hà Cao Sơn	K24 ĐH TCNH	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
382	2164060021	Lê Văn Hoàng	K24 ĐH Kinh tế	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
383	2164060022	Lê Khắc Hoàng	K24 ĐH Kinh tế	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
384	2164060028	Nguyễn Đức Khánh	K24 ĐH Kinh tế	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
385	2264020084	Lộc Văn Quang	K25B ĐH QTKD	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
386	2269020036	Vi Văn Thuận	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
387	2269020058	Lương Thị Phúc	K25 ĐH GDTC	GDTC	Dân tộc, Vùng cao	140,000
388	2261030071	Hoàng Ngọc Thiên Sơn	K25B ĐHCNTT	CNTT&TT	Khuyết tật	100,000
389	2069000090	Lương Thị Mai Phương	K23B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức cấp/ tháng
390	2069000116	Nguyễn Thị Đào	K23C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Hộ nghèo	100,000
391	2169000103	Trương Thị Thắm	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
392	2169000109	Lữ Minh Toại	K24B ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
393	2169000123	Vi Thị Danh	K24C ĐHGD Tiểu học	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
394	2269000048	Bùi Ngọc Trinh	K25A ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
395	2269000057	Quách Thị Chinh	K25B ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
396	2269000136	Lương Ngọc Sơn	K25C ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
397	2269000180	Hơ Thị Mỹ	K25D ĐH GDTH	GDTH	Dân tộc, Vùng cao	140,000
398	196602CLC08	Lang Thị Ngọc Huyền	K22 ĐHSP Lịch sử (CLC)	KHXX	Dân tộc, Vùng cao	140,000
399	2066010013	Nguyễn Thị Hoài	K23 ĐHSP Ngữ văn	KHXX	Hộ nghèo	100,000
400	2266010022	Nguyễn Thị Huệ	K25 ĐHSP Ngữ văn	KHXX	Hộ nghèo	100,000
401	2266030009	Phạm Bá Hoàng	K25 ĐHSP Địa lí	KHXX	Dân tộc, Vùng cao	140,000
402	2266030012	Hà Văn Nhật	K25 ĐHSP Địa lí	KHXX	Dân tộc, Vùng cao	140,000
403	2064010004	Hà Thị Nguyệt Ánh	K23A ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
404	2164020136	Bùi Thị Ly Ly	K24C ĐH QTKD	KT-QTKD	Con mồ côi	100,000
405	2264010178	Ngân Thị Khánh Vân	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
406	2264010179	Phạm Khánh Vy	K25C ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
407	2264010199	Hà Khánh Huyền	K25D ĐH Kế toán	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
408	2264020017	Nguyễn Huy Đàm	K25A ĐH QTKD	KT-QTKD	Dân tộc, Vùng cao	140,000
409	2264020099	Nguyễn Thế Vinh	K25B ĐH QTKD	KT-QTKD	Hộ nghèo	100,000

(Ấn định danh sách có 409 sinh viên)

Ghi chú:

343 SV thuộc đối tượng dân tộc, vùng cao

66 SV thuộc đối tượng Hộ nghèo, CMC, Khuyết tật

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG BÚC
Đậu Bá Thìn

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG BÚC